



## QUY MÔ, CƠ CẤU ĐÀN VÀ PHƯƠNG THỨC NUÔI BÒ LAI TRONG NÔNG HỘ Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

Lê Đức Thọ<sup>1</sup>, Lê Văn Nam<sup>1</sup>, Hoàng Hữu Tình<sup>1</sup>, Trần Ngọc Long<sup>1</sup>,  
Văn Ngọc Phong<sup>1</sup>, Trần Thị Na<sup>1</sup>, Lê Thị Thu Hằng<sup>1</sup>, Dương Thị Hương<sup>1</sup>,  
Võ Thị Minh Tâm<sup>1</sup>, Lê Trần Hoàn<sup>1</sup> và Đinh Văn Dũng<sup>1\*</sup>

### Tóm tắt

Nghiên cứu này nhằm đánh giá quy mô chăn nuôi, cơ cấu đàn bò và phương thức nuôi bò lai trong nông hộ ở tỉnh Quảng Ngãi. Một cuộc khảo sát đã được thực hiện với 200 nông hộ chăn nuôi bò tại 10 xã thuộc 4 huyện và thành phố Quảng Ngãi vào năm 2020. Kết quả nghiên cứu cho thấy quy mô đàn bò trung bình năm 2020 là 4,8 con/hộ, với hơn 94% số hộ chăn nuôi quy mô dưới 10 con/hộ. Xu hướng phát triển chăn nuôi bò lai của nông hộ ở tỉnh Quảng Ngãi chú trọng các giống bò lai chất lượng cao, trong đó lai BBB chiếm tỷ lệ 47,8%, lai Brahman và lai Sind chiếm 34,7%, lai Charolais và lai Droughtmaster chiếm lần lượt là 7,8% và 7,9%, còn lại 1,5% là các giống lai khác như Red Agus. Đàn bò cái nuôi trong nông hộ chủ yếu là giống bò lai Brahman và lai Sind chiếm 84,3%. Đàn bò thịt của nông hộ gồm bò đực từ 12 - 18 tháng tuổi và bò đực trên 18 tháng tuổi chủ yếu cũng là giống lai BBB chiếm lần lượt 67,8% và 57,9% và lai Charolais chiếm 7,4% và 15,8%.

**Từ khóa:** Cơ cấu đàn bò, quy mô đàn bò lai, phương thức nuôi.

## CROSSBRED CATTLE PRODUCTION SCALE, HERD STRUCTURE AND RAISING METHOD OF FARMERS IN QUANG NGAI PROVINCE

### Abstract

This study aims to assess the cattle production scale, herd structure and raising method of farmers in Quang Ngai province. A survey was conducted with 200 smallholder cattle farmers in 10 communes in 5 districts to collect information on the situation of crossbred cattle production. The results show the average household's scale of cattle production in 2020 is 4.8 heads, with about 94% of households raising cattle less than 10 heads/year. The development trend of crossbred cattle of farmers in Quang Ngai province focuses on high-quality crossbreeds, in which Blanc Bleu Belge (BBB) crossbred accounts for 48%, Brahman and Sind crossbred account for 35%, Charolais accounts for 8%, and 1.5% are Red Agus and others. Cows were mainly Brahman and Sind crossbred accounting for 84.3%. The herd of beef cattle including bulls from 12 - 18 months old and bulls over 18 months old are mainly BBB accounting for 67.8% and 57.9% and Charolais crossbred are 7.4% and 15.8% respectively.

**Keywords:** Crossbred cattle production scale, herd structure, raising method.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quảng Ngãi là một trong những tỉnh phát triển chăn nuôi bò mạnh nhất của khu vực miền Trung. Tổng số lượng bò toàn Tỉnh tính đến năm 2018 là 277.350 con, trong đó 70,6% là bò lai (Thống kê chăn nuôi, 2019).

Chăn nuôi bò ở Quảng Ngãi đã hình thành nhiều vùng mang tính chuyên canh cao, nuôi vỗ béo thâm canh, bán thâm canh và chăn nuôi bò sinh sản (Đinh Văn Dũng và cs., 2016; Lê Đình Phùng và cs., 2016). Chăn

<sup>1</sup> Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế;

\* Tác giả liên hệ: Đinh Văn Dũng. Email: dinhvandung@hualf.edu.vn; ĐT: 0986.939.906

nuôi bò sinh sản (bò-bê) là công đoạn ban đầu của hệ thống sản xuất bò thịt và là một phần quan trọng trong hệ thống nông nghiệp Việt Nam nói chung và trong nông hộ các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ nói riêng (Nguyễn Xuân Bả và cs., 2015). Trong những năm gần đây, chăn nuôi bò tỉnh Quảng Ngãi đã dịch chuyển dần từ phương thức quảng canh sang bán thâm canh và thâm canh. Cùng với sự chuyển dịch phương thức chăn nuôi thì cơ cấu con giống cũng có xu hướng chuyển dịch mạnh từ giống bò địa phương sang giống bò lai Red Sindhi, Brahman, BBB, Droghmaster. Việc chuyển dịch hệ thống chăn nuôi, chuyển dịch về cơ cấu con giống sẽ ảnh hưởng đến năng suất sinh sản cũng như hiệu quả chăn nuôi bò. Theo Nguyễn Xuân Bả và cs (2015), để chuyển đổi chăn nuôi bò từ quảng canh sang thâm canh, gắn kết giữa sản xuất với thị trường, phải thực hiện đồng bộ các giải pháp từ khoa học kỹ thuật, tổ chức sản xuất, thị trường, khuyến nông,... đến các chính sách vĩ mô. Theo đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, chăn nuôi bò thịt của tỉnh trong thời gian tới sẽ tập trung vào các giống bò lai có chất lượng cao (UBND tỉnh Quảng Ngãi, 2015). Tuy nhiên, thực tế việc phát triển các giống bò lai nuôi trong nông hộ còn diễn ra một cách tự phát. Bài báo này nhằm phân tích một số đặc điểm về quy mô chăn nuôi, cơ cấu đàn bò lai nuôi trong nông hộ tại tỉnh Quảng Ngãi, từ đó làm cơ sở để xây dựng các giải pháp kinh tế - kỹ thuật phù hợp nhằm cải thiện hệ thống chăn nuôi bò hiện tại.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Phương pháp thu thập thông tin

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi bán cấu trúc với 200 nông hộ nuôi bò tại 10 xã, phường thuộc 4 huyện và thành phố Quảng Ngãi được tiến hành từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2020. Mỗi xã, phường tiến hành khảo sát 20 hộ nuôi bò được chọn ngẫu nhiên dựa trên tổng số hộ chăn nuôi bò của xã.

### 2.2. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được xử lý bằng phần mềm Excel (2010) và phần mềm SPSS 26. Kết quả thống kê mô tả như: tính tần suất, tỷ lệ phần trăm, trung bình để phân tích về quy mô chăn nuôi bò và cơ cấu đàn bò của nông hộ.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Quy mô và cơ cấu tuổi của đàn bò lai nuôi trong nông hộ

#### 3.1.1. Quy mô đàn bò lai của nông hộ

Kết quả khảo sát quy mô đàn bò lai nuôi trong nông hộ được thể hiện trong Bảng 1. Quy mô chăn nuôi bò lai dao động từ 3,4 đến 6,3 con/hộ, trung bình mỗi hộ có 4,8 con bò năm 2020. So với một số tỉnh miền Trung như Quảng Nam, quy mô chăn nuôi bò thâm canh của nông hộ ở Quảng Ngãi cao hơn quy mô đàn bò của nông hộ ở Quảng Nam (4,73 con/hộ) (Đình Văn Dũng và cs., 2017). Điều này cho thấy rằng chăn nuôi bò nông hộ ở Quảng Ngãi ngày càng phát triển theo xu hướng tăng dần về quy mô đàn bò. Các hộ chăn nuôi bò ở Quảng Ngãi có thể phân làm 3 nhóm gồm: nhóm hộ chăn nuôi nông hộ quy mô nhỏ dưới 10 con/năm, nhóm hộ chăn nuôi quy mô gia trại từ 10 - 30 con/năm và nhóm hộ chăn nuôi tập trung quy mô trang trại từ trên 30 con/năm. Trong đó, chăn nuôi bò quy mô nông hộ dưới 10 con/hộ là phổ biến nhất ở Quảng Ngãi hiện nay. Kết quả nghiên cứu ở Bảng 1 cũng cho thấy, 94% số hộ có quy nuôi bò dưới 10 con/hộ trong đó số hộ có quy mô nuôi dưới 2 con chiếm 30,5%, số hộ có quy mô nuôi từ 3 - 5 con/hộ chiếm 45% và 18,5% số hộ có quy mô nuôi trung bình 6 - dưới 10 con. Chỉ có khoảng 5,5% số hộ khảo sát có quy mô chăn nuôi bò theo quy mô gia trại từ 10 - 30 con/hộ. Đáng chú ý số hộ chăn nuôi bò trang trại quy mô lớn từ trên 30 con chỉ chiếm có 0,5%. Như vậy, đặc trưng của chăn nuôi bò ở Quảng Ngãi vẫn chủ yếu là chăn nuôi bò nông hộ quy mô nhỏ, sử dụng lao động và nguồn lực gia đình, tận dụng đất đai để trồng cỏ nuôi bò.

### 3.1.2. Cơ cấu tuổi đàn bò lai của nông hộ theo giới tính bò

Kết quả khảo sát cơ cấu đàn bò lai của nông hộ theo giới tính được thể hiện ở biểu đồ 2. Cho thấy số lượng bò nuôi sinh sản của nông hộ chiếm 31,6% bao gồm 24,4% là bò cái đã sinh sản và 7,2% bò cái chưa sinh sản, gần 13% là bê dưới 6 tháng tuổi, 18,3% là bê đực từ 6 - 12 tháng tuổi, 32 % là bò đực từ

12 - 18 tháng tuổi và trên 18 tháng tuổi. Với cơ cấu đàn bò như vậy cho thấy hệ thống chăn nuôi bò của nông hộ ở Quảng Ngãi vẫn là hệ thống chăn nuôi bò sinh sản kết hợp với nuôi bò thịt. Kết quả khảo sát cũng cho thấy 100% nông hộ không sử dụng bò đực giống điều này là do hiện nay hệ thống chăn nuôi bò thâm canh chủ yếu các hộ sử dụng phương pháp phối giống thụ tinh nhân tạo.

**Bảng 1.** Quy mô chăn nuôi bò lai của nông hộ

Chỉ tiêu	Huyện/TP					Trung bình (n = 200)
	TP. Quảng Ngãi (n = 40)	Sơn Tịnh (n = 40)	Nghĩa Hành (n = 40)	Tư Nghĩa (n = 40)	Đức Phổ (n = 40)	
Số lượng bò TB/hộ (con)	3,4	3,4	4,2	6,1	6,3	4,8
1 - 2 con (%)	51,4	34,1	31,3	16,3	24,4	30,5
3 - 5 con (%)	35,1	53,7	50,0	40,8	46,3	45,0
6 - 10 con (%)	8,1	12,2	15,6	30,6	24,4	18,5
10 - 30 con (%)	5,4	-	3,1	12,2	2,4	5,5
> 30 con (%)	-	-	-	-	2,4	0,5

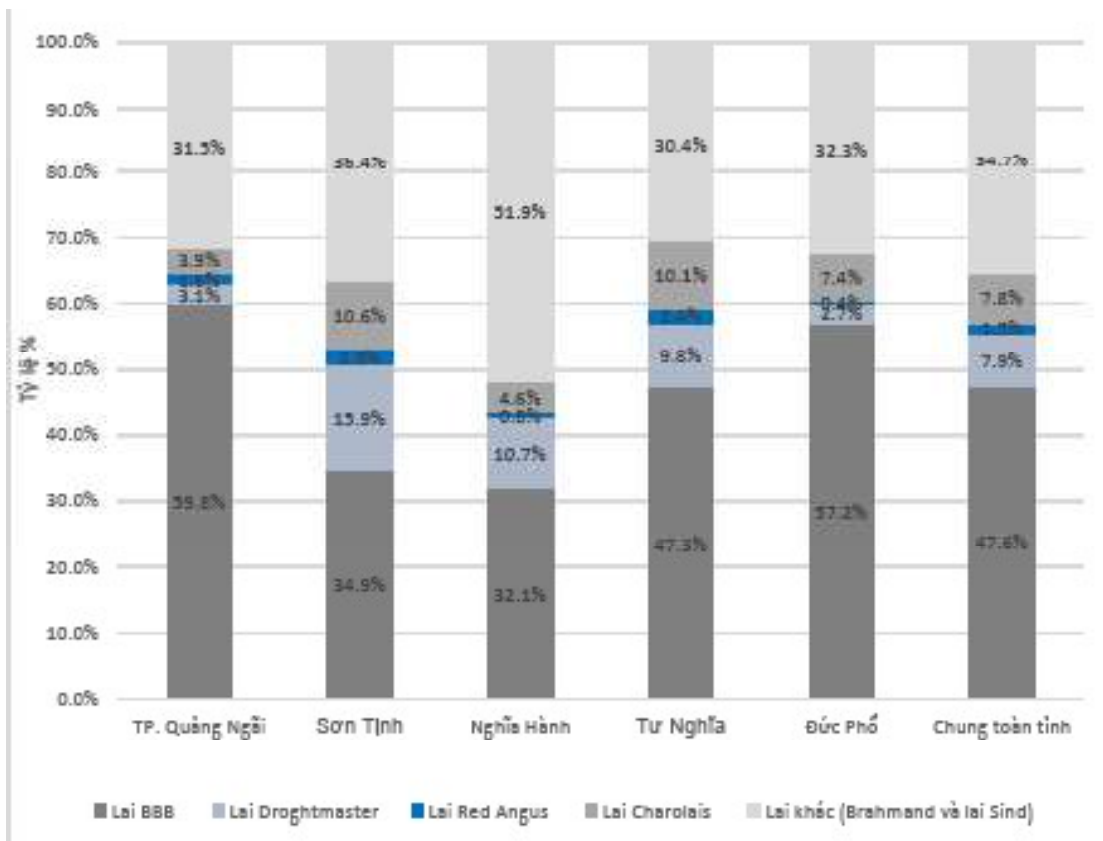
### 3.2. Cơ cấu đàn bò lai của nông hộ tại tỉnh Quảng Ngãi

#### 3.2.1. Cơ cấu đàn bò lai của nông hộ theo giống bò

Kết quả nghiên cứu về cơ cấu đàn bò lai nuôi trong nông hộ ở tỉnh Quảng Ngãi được thể hiện trong Biểu đồ 1 cho thấy, trên toàn tỉnh có 47,6% tổng số bò của nông hộ là bò lai BBB, 34,7% là bò lai Brahmand và lai Sind, giống bò lai Charolais và Drosmaster chiếm lần lượt là 7,8% và 7,9%, trong khi bò lai RedAgus và lai khác chỉ chiếm khoảng 1,5%. Cơ cấu tỷ lệ bò lai này cũng diễn ra khá tương đồng giữa các huyện khảo sát. Cụ thể, các huyện Đức Phổ, Tư Nghĩa và thành phố Quảng Ngãi tỷ lệ bò lai BBB chiếm tỷ lệ khá cao lần lượt là 57,2%, 47,3% và 59,8% tổng lượng đàn bò. Đồng thời tỷ lệ bò lai giống Brahmand và Lai Sind ở 3 huyện thị này đều trên 30% tổng đàn. Ngược lại ở hai huyện còn lại là Sơn Tịnh và Nghĩa Hành tỷ lệ bò lai giống Brahmand và Lai Sind vẫn chiếm ưu thế với tỷ lệ là 36,4% và 51,9%. Tỷ lệ bò lai giống BBB ở hai huyện này cũng ở mức cao trên 32% tổng đàn.

#### 3.2.2. Cơ cấu đàn bò lai của nông hộ theo giống và độ tuổi bò

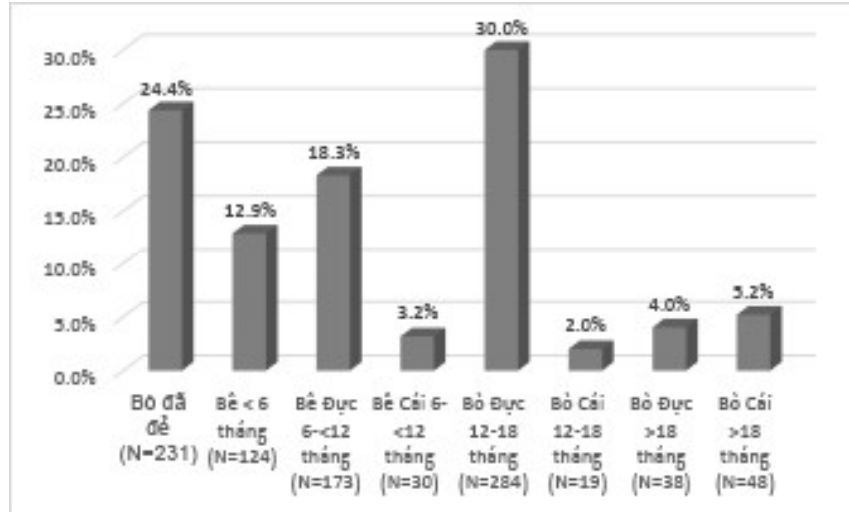
Về cơ cấu giống bò theo các độ tuổi được thể hiện trong Bảng 2, cho thấy đối với đàn bò cái đang sinh sản thì 84,3% là bò cái giống Branmand và Lai Sind, cũng có gần 16% số hộ sử dụng giống bò cái sinh sản là các giống bò lai như Charolais, Droughmaster, Red Agus và BBB. Đối với đàn bò cái mới nuôi (bò cái 12 - 18 tháng và bò cái trên 18 tháng chưa sinh sản) của các hộ khảo sát đang tập trung vào các giống lai Droughmaster và lai Branmand là chủ yếu chiếm lần lượt là 73,5% và 85,8%. Đối với Bê dưới 6 tháng tuổi và Bê đực từ 6 - 12 tháng tuổi, giống lai BBB chiếm lần lượt là 73% và 68,2%, lai Charolais chiếm lần lượt 13,1 và 6,9%, các giống khác chiếm tỷ lệ thấp. Đối với bò đực từ nuôi thịt gồm bò đực từ 12 - 18 tháng tuổi và bò đực trên 18 tháng tuổi chủ yếu cũng là giống lai BBB chiếm lần lượt 67,8% và 57,9%, lai Charolais chiếm 7,4% và 15,8%. Như vậy, có thể thấy nông hộ đang có xu hướng phối các giống tinh bò lai ngày càng nhiều trong đó chủ yếu là lai BBB và lai Charolais.



**Biểu đồ 1.** Tỷ lệ các giống bò lai của nông hộ

**Bảng 2.** Tỷ lệ đàn bò lai của nông hộ theo giống và độ tuổi

Tuổi bò/bê	Lai BBB (%)	Lai Charolais (%)	RedAgus (%)	Droughmaster (%)	Lai Brahman, Sind (%)
Bò đã đẻ (N = 231)	4,3	3,9	3,5	3,9	84,3
Bê < 6 tháng (N = 124)	73,0	13,1	0	7,4	6,6
Bê Đực 6 -< 12 tháng (N = 173)	68,2	6,9	0,6	5,2	19,1
Bê Cái 6 -< 12 tháng (N = 30)	50,0	10,0	0	3,3	36,7
Bò Đực 12 - 18 tháng (N = 284)	67,8	7,4	1,8	8,1	14,8
Bò Cái 12 - 18 tháng (N = 19)	21,1	5,3	0	36,8	36,8
Bò Đực > 18 tháng (N = 38)	57,9	15,8	0	5,3	21,1
Bò Cái > 18 tháng (N = 48)	2,0	12,2	0	36,7	49,0

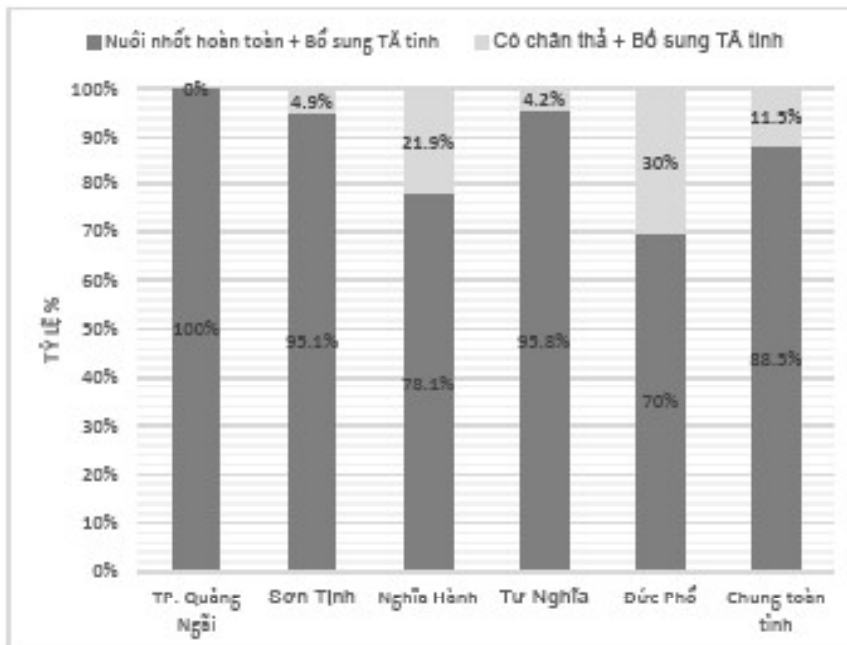


**Biểu đồ 2.** Tỷ lệ đàn bò lai của nông hộ theo giới tính và độ tuổi

### 3.3. Phương thức chăn nuôi bò lai của nông hộ

Kết quả nghiên cứu về phương thức chăn nuôi bò ở biểu đồ 3 cho thấy, hiện nay chăn nuôi bò lai nông hộ ở Quảng Ngãi có hai phương thức chăn nuôi chính là nuôi nhốt có bổ sung thức ăn tinh và nuôi chăn thả có bổ sung thức ăn tinh. Trong đó, phương thức nuôi nhốt hoàn toàn đang được nhiều nông hộ áp dụng hơn. Tỷ lệ hộ chăn nuôi nhốt hoàn toàn kết hợp với bổ sung thức ăn tinh chiếm từ

70 - 100% số hộ chăn nuôi bò được khảo sát ở các huyện và thành phố Quảng Ngãi. Điều này là do diện tích chăn thả ngày càng thu hẹp, nông hộ chăn nuôi đã chủ động trồng cỏ để tự chủ thức ăn thô xanh cho bò, do vậy nông hộ có xu hướng chuyển dịch sang nuôi bò nhốt thâm canh hoàn toàn. Đặc biệt là tại các địa phương gần trung tâm tỷ lệ hộ chăn nuôi bò nhốt hoàn toàn chiếm tỷ lệ cao (100% ở khu vực thành phố Quảng Ngãi, 95,1% ở các xã khảo sát của huyện Sơn Tịnh và 95,8% ở các xã khảo sát của huyện Tư Nghĩa).



**Biểu đồ 3.** Tỷ lệ hộ chăn nuôi bò theo phương thức nuôi

#### 4. KẾT LUẬN

Quy mô chăn nuôi bò nông hộ trung bình toàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2020 là 4,8 con/hộ, với hơn 94% số hộ nuôi với quy mô dưới 10 con/hộ, tỷ lệ bò cái sinh sản chiếm 31,4% trong tổng đàn, bò thịt chiếm 52,3% tổng đàn gồm bê đực từ 6 - 12 tháng và bê đực từ 12 - 18 tháng và bò đực trên 18 tháng tuổi.

Cơ cấu đàn bò lai nuôi trong nông hộ ở tỉnh Quảng Ngãi trong những năm gần đây chủ yếu là con lai các giống bò có chất lượng cao, trong đó lai BBB chiếm 47,8%, lai Brahman và lai Sind chiếm 34,7%, lai Charolais chiếm 7,8% và lai Droughmaster chiếm 7,9% tổng đàn.

Cơ cấu đàn bò cái lai của nông hộ tỉnh Quảng Ngãi chủ yếu là lai Brahman và lai Sind chiếm 84,3%, còn lại 15,7% là lai Charolais, Droughmaster, Red Agus và các giống bò lai khác. Đàn bò thịt từ 12-18 tháng tuổi và trên 18 tháng tuổi của nông hộ chủ yếu là lai BBB chiếm tỷ lệ lần lượt là 67,8% và 57,9% và lai Charolais chiếm 7,4% và 15,8%.

Phương thức chăn nuôi bò nông hộ tại tỉnh Quảng Ngãi chủ yếu là nuôi nhốt với hơn 88% các hộ nuôi bò theo phương thức nhốt tại chuồng và bổ sung thức ăn tinh. Nhốt hoàn toàn là phương thức chăn nuôi phổ biến ở các địa phương gần thành phố Quảng Ngãi.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Lê Đình Phùng, Đinh Văn Dũng, Lê Đức Ngoan, Nguyễn Hải Quân, Dương Thanh

Hải (2016). Hiện trạng và kịch bản giảm phát thải khí mêtan từ hệ thống nuôi bò thịt thâm canh quy mô nông hộ ở Quảng Ngãi. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. 17: 58-66.

Nguyễn Xuân Bả, Đinh Văn Dũng, Nguyễn Thị Mùi, Nguyễn Hữu Văn, Phạm Hồng Sơn, Hoàng Thị Mai, Trần Thanh Hải, Rowan Smith, David Parsons và Jeff Corfield (2015). Hiện trạng hệ thống chăn nuôi bò sinh sản trong nông hộ ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Việt Nam. Tạp chí Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn. 21: 107-119.

Đình Văn Dũng, Lê Đình Phùng, Lê Đức Ngoan và Timothy D. Searchinger (2016). Hiện trạng và kịch bản giảm phát thải khí mêtan từ hệ thống nuôi bò thịt bán thâm canh quy mô nông hộ ở Quảng Ngãi. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 14(5): 699-706.

Cục thống kê tỉnh Quảng Ngãi (2019), Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

UBND tỉnh Quảng Ngãi (2015), Ban hành Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020, Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 25/5/2015.

<https://www.channuoi vietnam.com>